

Trường:..... Họ và tên giáo viên:.....

Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 2 – NHỮNG BÍ ẨN CỦA THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 8

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.
- ❖ Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- ❖ Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại, đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.
- ❖ Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; nhận biết được các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, sơ đồ.
- ❖ Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục.
- ❖ Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Bước đầu viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, nêu được những thông tin quan trọng, mạch lạc, thuyết phục
- Nghe và nắm bắt được nội dung chính mà nhóm trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó

3. Phẩm chất:

- Yêu quý và bảo vệ thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Sự kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em suy nghĩ gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chia sẻ cảm nghĩ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề Những bí ẩn của thiên nhiên và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.
- b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.
- c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK (trang 30) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc phần giới thiệu bài học</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.</p> <p>- GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.</p>	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <p>- Chủ đề 2: Em đã bao giờ tự hỏi: Bầu trời đêm chứa đựng điều kì diệu gì và trong lòng đại dương có những hiện tượng bí ẩn nào mà chúng ta chưa biết đến? Nhật thực khác với nguyệt thực như thế nào? Vì sao đàn chim lại bay theo hình chữ V?....Thế giới tự nhiên chứa đựng bao điều bí ẩn đang chờ chúng ta khám phá.</p> <p>Những văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên trong bài học này sẽ đưa em vào hành trình thú vị để khám phá những bí ẩn của thế giới vốn rất đẹp và phong phú quanh ta.</p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu được khái niệm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên; cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu; làm quen với đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp, đặc điểm và chức năng

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên + <i>Hãy kể tên một số hiện tượng tự nhiên mà em biết?</i> + <i>Em hãy nêu cách hiểu của mình về văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. 	<p>II. Tri thức Ngữ văn</p> <p>1/ Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên</p> <p>Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. Kiểu văn bản này thường xuất hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên, so sánh sự giống và khác nhau giữa các hiện tượng tự nhiên, giải thích cách tiếp cận và giải quyết một vấn đề trong thế giới tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng hoặc quá trình xảy ra hiện tượng - Phần nội dung: Giải thích

và mối liên hệ giữa các yếu tố này.

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 31) về cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS ghi chép tóm lược cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.

- Phần kết thúc (không bắt buộc): thường trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích

Cách sử dụng ngôn ngữ thường sử dụng từ ngữ thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học, thiên văn học...), động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái (ví dụ: vỡ, phun trào, mọc, chuyển động, xoay...), từ ngữ miêu tả trình tự (bắt đầu, kế tiếp, tiếp theo,...)

2. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu

- Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể:

+ So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí.

+ So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng.

- Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể

sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng...) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác...) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu.

3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

- Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

+ Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.

+ Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn.

+ Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

	+ Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố và vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.

+ Soạn bài: ***Bạn đã biết gì về sông thần?***

TIẾT...: VĂN BẢN 1. ***BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ SÔNG THẦN***

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.
- ❖ Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- ❖ HS chỉ ra và phân tích được tác dụng của việc sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến hiện tượng sống thân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Em biết gì về sóng thần?*
- b. Nội dung:** GV cho HS xem video và đặt câu hỏi phát vấn
- c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video về sóng thần: <https://youtu.be/gLJzL02EI5s>
- GV đặt câu hỏi: *Trong tình huống nếu chẳng may gặp sóng thần, chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ mình và hỗ trợ những người xung quanh?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Em đã biết gì về sóng thần*
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Em đã biết gì về sóng thần*”
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Em đã biết gì về sóng thần?*
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:	I. Tìm hiểu chung - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự

<p>+ Văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần thuộc thể loại nào?</p> <p>+ Xác định mục đích viết của văn bản trên.</p> <p>+ Xác định cấu trúc của văn bản trên.</p> <p>- GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>nhien.</p> <p>- Mục đích của văn bản là giúp cho người đọc nắm bắt và hiểu rõ hơn những thông tin về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần)</p> <p>- Cấu trúc: 3 phần.</p> <p>+ Mở bài: từ đầu đến “năm 1958 cao đến 525m” - giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tượng sóng thần.</p> <p>+ Nội dung: tiếp đến “khi sóng thần đến” - giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.</p> <p>+ Kết thúc: Còn lại - trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần.</p>
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.
- ❖ Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- ❖ HS chỉ ra và phân tích được tác dụng của việc sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Trong lời mẹ hát*

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Trong lời mẹ hát*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Sóng thần là gì?</i> + <i>Chúng ta có dễ dàng nhận thấy dấu hiệu báo trước của sóng thần hay không? Vì sao?</i> + <i>Cơ chế hình thành sóng thần diễn ra như thế nào?</i> + <i>Trình bày quá trình dịch chuyển của sóng thần.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. 	<p>1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tượng sóng thần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sóng thần là chuỗi sóng biển chu kì dài, lan truyền với vận tốc lớn. - Sóng thần không phải là những ngọn sóng âm âm, cuộn cuộn tiến về đất liền mà ta có thể mục kích và nghe được âm thanh. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ở ngoài khơi, bạn cũng không thể biết trước sóng thần bắt đầu xuất hiện. = > Không thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần. - Cơ chế hình thành sóng thần: + Sự thay đổi của mảng kiến tạo gây ra một trận động đất và làm dịch chuyển nước biển. + Những con sóng được tạo ra và di chuyển ra mọi hướng trên biển, một

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

số con sóng di chuyển nhanh.

+ Khi vào vùng nước nông, những con sóng bị nén ép lại, tốc độ chậm hơn và trở nên cao hơn.

+ Chiều cao của những con sóng tăng lên và những dòng biển cổ có liên quan được tăng cường, tất cả đã trở thành mối đe dọa đến tính mạng và tài sản của con người.

- Quá trình dịch chuyển của sóng thần: Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa, sóng còn rất nhỏ và yếu vì nước quá sâu, khi sóng thần dịch chuyển trên đại dương, chiều dài từ chóp sóng trước đến chóp sóng sau có thể cách xa hàng trăm ki – lô – mét hoặc hơn và độ cao chóp sóng chỉ khoảng vài mét.

= > Sóng thần hiện nguyên hình với sức mạnh hủy diệt khi nó đến gần bờ.

2. Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.

- Nguyên nhân: Chủ yếu là do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào, lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả vị thử hạt nhân dưới nước) ...

+ Thảm họa sóng thần 26/12/2004 là hệ quả của trận động đất do va chạm giữa mảng Ấn Độ và mảng Bơ – ma. Trận động đất với 9 độ rích-te, tâm chấn động sâu tới 10km.

- Dấu hiệu nhận biết sắp có sóng thần là:

+ Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đổ, chứ không như sóng

mạnh của một cơn bão sắp tới.

+ Mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thủy triều.

+ Hoặc có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ.

3. Sự việc cuối của hiện tượng sóng thần.

- Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần chính là các thảm họa để lại.

- Một số thảm họa sóng thần trong lịch sử là:

+ Năm 365, sóng thần tại Alexandria làm hàng nghìn người thiệt mạng.

+ 27/8/1883 sóng thần tai hại nhất, sau khi núi lửa Krakatoa tại Indonesia phun trào khiến 36000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va và Sumatra.

+ 15/6/1896 sóng thần cao 23m làm hơn 26000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản.

+ 22/5/1960 sóng thần cao 11m làm hơn 1000 người thiệt mạng ở Chile.

+ 16/8/1960 hơn 5000 người chết tại vịnh Moro, Philipin

+ Ngày 17/7/1998 sóng thần làm hơn 2100 người chết tại Pa-pua Niu Ghi-nê.

III. Tổng kết

1. Nội dung

	<p>- Văn bản giới thiệu những thông tin cơ bản về sóng thần (định nghĩa, cơ chế hình thành, nguyên nhân và dấu hiệu nhận biết sóng thần) đồng thời nêu ra một số thảm họa sóng thần lớn đã xuất hiện trong lịch sử nhân loại.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu.</p> <p>- Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản “*Em đã biết gì về sóng thần*”

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: *Sau khi học xong văn bản, em hãy đưa ra những giải pháp giúp hạn chế những thiệt hại do sóng thần gây ra?*

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày suy nghĩ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sau khi học xong văn bản, em hãy đưa ra những giải pháp giúp hạn chế những thiệt hại do sóng thần gây ra?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để thiết kế áp phích để hướng dẫn mọi người những việc cần làm khi xảy ra sóng thần

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trên giấy A4

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin về sóng thần qua văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn

	Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT...: VĂN BẢN 2. SAO BĂNG LÀ GÌ VÀ NHỮNG ĐIỀU BẠN CẦN BIẾT VỀ SAO BĂNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Xác định được thể loại văn bản.
- ❖ Xác định được cấu trúc của văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?
- ❖ HS tóm tắt được các thông tin cơ bản của văn bản
- ❖ HS chỉ ra và nêu được tác dụng của việc sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến hiện tượng sao băng
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài **Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?**

b. Nội dung: GV cho HS điền phiếu KWL chia sẻ những điều học sinh muốn biết về sao băng

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: “Em đã biết gì về sao băng và muốn biết thêm điều gì về nó, hãy điền vào bảng KWL sau đây nhé!”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản **Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?**
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản **Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?**
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản **Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?**
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi: + Văn bản <i>Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?</i> thuộc thể loại nào? + Xác định mục đích viết của văn bản trên. + Xác định cấu trúc của văn bản trên. - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên. - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng. - Cấu trúc: 2 phần. + Phần 1: Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tượng mưa sao băng. + Phần 2: Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- ❖ Xác định được cấu trúc của văn bản Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?
- ❖ HS tóm tắt được các thông tin cơ bản của văn bản
- ❖ HS chỉ ra và nêu được tác dụng của việc sử dụng những loại phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Thực hiện cá nhân</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + Sao băng là gì? + Thế nào là mưa sao băng + Mỗi trận mưa sao băng theo kéo dài bao lâu? 	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tượng mưa sao băng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch khi chúng đi vào bầu khí quyển Trái Đất với vận tốc rất lớn (khoảng 100 000km/h).

<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng</p> <p>Nhiệm vụ 2: Thực hiện cá nhân</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 1 (<i>phần phụ lục</i>)</p> <p>+ <i>Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sao băng và mưa sao băng là gì?</i></p> <p>+ <i>Chỉ ra cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băng.</i></p> <p>+ <i>Trình bày một số sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng.</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi</p> <p>- HS trình bày sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p>	<p>- Mưa sao băng là hiện tượng nhiều sao băng xuất hiện đồng thời hoặc nối tiếp nhau từ chung một điểm xuất phát trên bầu trời.</p> <p>- Mỗi trận mưa sao băng thường kéo dài trong nhiều ngày, tuy nhiên khoảng thời gian sao băng xuất hiện nhiều nhất lại khá ngắn và trong khoảng cực điểm ấy, số lượng sao quan sát được có thể từ 10 cho đến 100 sao hoặc nhiều hơn nữa.</p> <p>2. Giải thích nguyên nhân diễn ra hiện tượng sao băng, mưa sao băng và sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.</p> <p>- Nguyên nhân: Là do lực ma sát của không khí đốt cháy thiên thạch làm nó phát sáng khi di chuyển.</p> <p>- Cách thức diễn ra: Các sao băng đều xuất phát hoặc hướng về một khu vực trên bầu trời. Khu vực đó được gọi là tâm điểm của mưa sao băng.</p> <p>- Sự việc cuối của hiện tượng sao băng, mưa sao băng là:</p> <p>+ Mưa sao băng Quadrantids: xuất hiện từ ngày 01 đến ngày 05 tháng 1 hằng năm, cực điểm vào ngày 03 đến ngày 04 tháng 01.</p> <p>+ Mưa sao băng Eta Aquarids: xuất hiện từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 28 tháng 5 hằng năm, cực điểm vào ngày</p>
--	--

<p>và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p>GV chốt lại kiến thức.</p> <p><u>Nhiệm vụ 3: Thảo luận nhóm đôi</u></p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Sự việc cuối cùng của hiện tượng sóng thần là gì?</i> + <i>Trình bày những sự việc cuối cùng của hiện tượng trong thần trong lịch sử.</i> + <i>Văn bản đã sử dụng (những) loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Ý nghĩa của việc sử dụng (những) loại phương tiện ấy trong văn bản là gì?</i> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. 	<p>05 đến ngày 06 tháng 5.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện phi ngôn ngữ văn bản đã sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Hình ảnh giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được hiện tượng muốn nói đến. + Số liệu giúp văn bản mang tính xác thực và chính xác hơn. <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng. <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ hiểu. - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.
--	--

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản **Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng?**

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: hoàn thành câu hỏi 4 (trang 40 – SGK) vào vở

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 4 (trang 40 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định cách trình bày thông tin của các đoạn văn sau và cho biết tác dụng của chúng:

- Sao băng thực chất là đường nhìn thấy của các thiên thạch... tạo nên những hố lòng chảo sâu trên lục địa.
- Mỗi năm có rất nhiều trận mưa sao băng... cực điểm vào 12-13/12.
- Sao băng là sự xuất hiện ngẫu nhiên của các thiên thạch trên bầu trời... hầu hết các trận mưa sao băng có chu kì là một năm.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, phương tiện internet tìm và xem một số video về sao băng

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Tìm và xem video clip về một trận mưa sao băng trên Internet. Sau đó, trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về video clip đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nêu những việc làm cụ thể trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin quan trọng trong văn bản về sao băng

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn

	Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT...: ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM: MƯA XUÂN II

(Nguyễn Bính)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Xác định được thể loại văn bản.
- ❖ Xác định được cấu trúc của văn bản Mưa xuân II.
- ❖ Xác định và phân tích được đặc sắc nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp thiên nhiên qua bài thơ
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Mưa xuân II*

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”
- Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ trả lời cho câu hỏi *Trong bốn mùa, em thích nhất là mùa nào? Vì sao?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Mưa xuân II*
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Mưa xuân II*”
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên: tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính. - Năm sinh: 1918 - 1966 - Quê quán: Làng Thiện Vịnh, xã Đồng Đội, Vụ Bản, Nam Định. - 1945 - 1954: tham gia kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. - 1954 tập kết ra Bắc, tham gia công tác văn nghệ và làm báo. - Mất đột ngột 20/01/1966. - Nguyễn Bính là một người thông minh, nhạy cảm với thời đại đầy biến động, luôn muốn bảo tồn và duy trì những giá trị truyền thống của dân tộc. - Phong cách thơ Nguyễn Bính: Nguyễn Bính là nhà thơ có hồn thơ

	<p>đậm chất quê.</p> <p>+ Nhà thơ nhạy cảm với thời đại đầy biến động, đặc biệt là sự xáo trộn của văn chương, ông thể hiện sâu sắc nỗi day dứt không yên của tâm hồn thiết tha với những giá trị cổ truyền đang có nguy cơ bị mai một (Chân quê). Vì thế, Nguyễn Bính đã đào sâu, tích hợp và phát huy một cách xuất sắc những truyền thống dân gian trong sáng tạo Thơ mới. Thơ ông mang đậm chất quê, hồn quê trong cả nội dung và hình thức, là sự hòa quyện giữa giọng điệu quê, lối nói quê, lời quê.</p> <p>- Gắn bó, thấu hiểu con người thôn quê Việt Nam. Dù viết về hình ảnh, cảnh sắc, con người nào thì tất cả đều thấm đượm một tình quê, duyên quê, hồn quê....</p> <p>- Ông làm thơ từ rất sớm (năm 13 tuổi), sáng tác nhiều thể loại (thơ, truyện thơ, chèo...).</p> <p>- Các tác phẩm chính:</p> <p><i>Tâm hồn tôi</i> (1937), <i>Lỡ bước sang ngang</i> (1940), <i>Mười hai bến nước</i> (1942), <i>Truyện thơ Cây đàn Tỳ bà</i> (1944), <i>Gửi người vợ miền Nam</i> (1955) ...</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Mùa xuân II xuất bản năm 1958, in</p>
--	--

	trong Nguyễn Bính toàn tập – NXB Hội Nhà văn 2017.
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Xác định được cấu trúc của văn bản Mưa xuân II.
- Xác định và phân tích được đặc sắc nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Mưa xuân II

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Mưa xuân II*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Xác định thể thơ của bài thơ.</i> + <i>Tóm tắt nội dung bài thơ.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>3. Đọc - kể tóm tắt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: 7 chữ - HS tự tóm tắt <p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Vẻ đẹp của thiên nhiên khi mùa xuân đến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: chiều âm - Cảnh vật: + <i>gió thoảng đưa</i> + <i>mưa bụi rắc thưa thưa</i> + <i>tơ nhện vừa giăng sợi trắng ngần</i> + <i>Lơ lửng mù sương phảng phất mưa</i> + ... <p>=> Thể hiện sự tươi mới sống động, vừa hào hứng e lệ trước cảnh sắc mùa xuân. Bầu trời như phủ một sắc trắng mờ ảo của những hạt mưa xuân, chúng đậu trên từng cành cây kẽ lá.</p>

<p>nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng <p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Những hình ảnh nào cho ta thấy tâm trạng và hành động của con người khi mùa xuân đến?</i> + <i>Những hình ảnh đấy khiến cho bức tranh mùa xuân hiện ra như thế nào?</i> + <i>Tác giả đã gửi gắm những tâm tư tình cảm gì qua bài thơ trên?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên: <ul style="list-style-type: none"> + <i>cây cam quýt cành giao nổi</i> + <i>lá đón mưa</i> + <i>Đôi bờ cỏ dẫu nở hoa xanh</i> + <i>Bãi lạnh bờ dâu sẫm lá tơ</i> = > Cây cối trong vườn cũng đua nhau đâm chồi nảy lộc, khoe sắc hưởng ứng mùa xuân. - Sử dụng từ láy “tà tà”, “thưa thưa” = > Nhấn mạnh sự e lệ của thiên nhiên. = > Thiên nhiên như khoác trên mình một chiếc áo mới. = > Đất trời thì như đang có sự chuyển biến thêm nhiều sức sống hơn, như đang báo hiệu mùa xuân thực sự đến rồi. <p>2. Tâm trạng và hành động của con người khi mùa xuân đến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xa xa là những đàn cò trắng đang xếp hàng bay đi, những đoàn xe lửa thì nối đuôi nhau chở khách. + <i>Xe lửa về Nam chạy chạy mau</i> + <i>Một toán cò bay thành hàng chữ nhất</i> <p>=> Tất cả đã tạo nên một bức tranh mùa xuân nhộn nhịp và tràn đầy sức sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người cũng hòa vào không khí mùa xuân khi xúng xính váy áo đi trải hội. Mỗi dịp xuân đến là đâu đâu
--	--

cũng tung bừng mở lễ hội, tiếng trống đánh vang lên khắp các đường làng.

+ *Người đi trẩy hội tóc phơi trần.*

+ *Vang tiếng trống hội đình*

= > Từ hành động của con người ta thấy được tâm trạng: háo hức, hào hứng và vui mừng khi chuẩn bị đón mùa xuân của con người nơi đây.

= > Kết luận:

- Tác giả đã cảm nhận mùa xuân ở tất cả mọi khía cạnh tinh tế, nhạy cảm của mình để cảm nhận mùa xuân đến một cách trọn vẹn nhất.

- Mùa xuân trong thơ Nguyễn Bính lúc nào cũng tràn ngập màu sắc, ngập tràn niềm vui và sự rộn ràng. Tất cả đã tạo nên một khung cảnh thiên nhiên hòa hợp với đất trời, báo hiệu một năm đầy khởi sắc.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Những hình ảnh có sự chuyển nghĩa (Dựng một không gian đời sống; Không gian nghệ thuật, không gian biểu hiện một cách nghệ thuật tâm tưởng của con người)
- Những từ ngữ và cách nói mang đậm sắc thái ngôn ngữ dân gian

2. Nội dung

	<ul style="list-style-type: none"> • Khắc hoạ bức tranh xuân ấy còn có hình ảnh thiếu nữ với má hồng, mắt trong, duyên dáng đi hội chùa làng. • Cảnh xuân, tình xuân được nhà thơ nói đến rất bình dị, mộc mạc, rất thân thuộc.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Mưa xuân II

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên trong văn bản trên

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn (Khoảng 7- 9 câu) nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên trong văn bản trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết một đoạn văn ngắn khoảng 10-12 dòng nêu cảm nghĩ của em về tình cảm bà cháu trong văn bản trên

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm	0 điểm	1 điểm	2 điểm

(2 điểm)	Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT: ...THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Trang 41 - 42

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Nhận biết và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.
- ❖ Nhận diện và phân tích được các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.
- ❖ Viết được văn bản bằng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.
- ❖ Viết được bài/ đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy nêu cách hiểu của mình về các cụm từ: diễn dịch – quy nạp – song song – phối hợp”
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tri thức Tiếng Việt

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và xác định được cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu.
- Nhận diện và phân tích được các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>1. Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản có cấu trúc so sánh và đối chiếu trình bày điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều sự vật theo các tiêu chí so sánh cụ thể: + So sánh và đối chiếu các đối tượng theo từng tiêu chí. + So sánh tổng thể các đối tượng: Người viết lần lượt trình bày biểu hiện của tất cả các tiêu chí ở từng đối tượng. - Văn bản trình bày thông tin theo cách so sánh và đối chiếu có thể sử dụng một số từ ngữ chỉ sự giống nhau (giống, mỗi, cũng...) và khác nhau (khác với, nhưng, mặt khác...) hoặc sử dụng một số kiểu sơ đồ, bảng biểu để làm rõ thông tin được so sánh, đối chiếu. <p>2. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp,</p>

	<p>song song, phối hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn là đơn vị tạo nên văn bản, thường do nhiều câu tạo thành, bắt đầu từ chữ viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. Câu chủ đề trong đoạn văn mang nội dung khái quát, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn. + Đoạn văn diễn dịch: là đoạn văn có câu chủ đề mang ý khái quát đứng đầu đoạn; các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề. + Đoạn văn quy nạp: là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn. + Đoạn văn song song là đoạn văn mà các câu triển khai nội dung song song nhau. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn. + Đoạn văn phối hợp: là đoạn văn có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về cấu trúc của đoạn văn

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 41 - 42

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 41 - 42

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản sử dụng kiểu đoạn văn quy nạp hoặc diễn dịch chủ đề “Thiên nhiên kì bí”

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn ngắn sử dụng kiểu đoạn văn quy nạp hoặc diễn dịch

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt

+ Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Đáp án bài tập

Câu 1 (trang 41 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Xác định cấu trúc của các đoạn văn sau và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn văn (nếu có):

a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.

(Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng)

b. Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng. Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

(Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim)

c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thủy tinh và lon nhôm... Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO₂, mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.

(Theo Lan Anh tổng hợp, Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất, <https://kinhthemoitruong.vn>, ngày 9/9/2022)

d. Chúng ta có thể sử dụng bản đồ tư duy khi lập dàn ý cho bài viết. Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.

(1980 Books, Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập)

Trả lời:

a. Nhiều người tin rằng, khi nhìn lên bầu trời và thấy sao băng, nếu nhanh chóng ước một điều gì đó thì điều đó chắc chắn sẽ trở thành sự thật. Một số quan niệm cho rằng, sao băng là một hình tượng đẹp và thường gắn liền với nhiều câu chuyện tình yêu.
(Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng)

→ Đoạn văn song song

b. **Lúc đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông, tuy nhiên, nghiên cứu gần đây đã phát hiện ra rằng điều này không hoàn toàn đúng.** Những nơi mà loài chim này di cư tới so với nơi chúng sinh ra đều có khí hậu ôn đới khá tương đồng tại cùng một thời điểm. Về mặt lí thuyết, nếu chúng ở lại nơi được sinh ra vào mùa đông thì điều kiện khí hậu ở đó cũng không ảnh hưởng nhiều và chúng vẫn có thể sống sót bình thường. Vậy tại sao chúng vẫn phải thực hiện một hành trình dài để di cư hằng năm? Về vấn đề này, các nhà khoa học vẫn cảm thấy bối rối và chưa thể tìm được câu trả lời.

(Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim)

→ Đoạn văn diễn dịch

c. Một trong những hành động góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng các sản phẩm tái chế. Chúng ta có thể tái chế giấy, nhựa, báo, thủy tinh và lon nhôm... Bằng cách tái chế một nửa số rác thải sinh hoạt, mỗi người có thể giảm khoảng 1,2 tấn khí CO₂, mỗi năm vì việc đốt cháy rác thải làm tăng mức độ các-bon đi-ô-xít (carbon dioxide) trong khí quyển. Đây là tác nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên toàn cầu. **Vì vậy, con người nên lựa chọn các sản phẩm tái chế để có thể góp phần bảo vệ môi trường.**

(Theo Lan Anh tổng hợp, Mười biện pháp giảm thiểu sự nóng lên của Trái Đất, <https://kinhthemoitruong.vn>, ngày 9/9/2022)

→ Đoạn văn quy nạp

d. **Chúng ta có thể sử dụng bản đồ tư duy khi lập dàn ý cho bài viết.** Với tư cách là một công cụ có hệ thống kích thích tư duy sáng tạo, bản đồ tư duy có thể tổ chức và hệ thống hóa những ý nghĩ lộn xộn, thiếu mạch lạc. **Chính vì thế, bản đồ tư duy có thể hỗ trợ bạn xác định cần nói những gì và nói như thế nào để được hiệu quả nhất.**

(1980 Books, Ứng dụng bản đồ tư duy trong học tập)

→ Đoạn văn phối hợp

Câu 2 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Sắp xếp các câu dưới đây để tạo thành đoạn văn mạch lạc. Cho biết đoạn văn vừa sắp xếp thuộc kiểu đoạn văn nào mà em đã học.

(1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng.

(Theo Sóng thần – cơn “giận dữ” của biển cả, [https:// tuyenquang.gov](https://tuyenquang.gov), ngày 16/3/2022)

Trả lời:

- Sắp xếp:

(3) Một điểm nữa tạo nên những đợt sóng thần có sức mạnh khủng khiếp nhất đó là hiệu ứng cộng hưởng. (2) Hiệu ứng này có thể làm tăng sức mạnh và sự phá hủy của những đợt sóng thần lên gấp nhiều lần, khiến cho thiệt hại ở những khu vực có sự cộng hưởng lớn hơn rất nhiều so với những khu vực khác. (1) Khi những đợt sóng liên tiếp tràn vào các vùng vịnh, chúng bị bật ngược trở lại và gặp những đợt sóng liên tiếp theo gây ra sự cộng hưởng.

→ Đoạn văn diễn dịch

Câu 3 (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):

Viết câu chủ đề cho các đoạn văn sau:

a..... Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lí về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay... Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.

(Nhóm biên soạn)

b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO₂ vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác

(Nhóm biên soạn)

Trả lời:

a. **Không khí là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến làn da của bạn.** Khi tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong một thời gian dài, làn da của chúng ta có nguy cơ bị lão hóa. Dấu hiệu nhận biết rõ nhất là sự xuất hiện của các đốm sắc tố và nếp nhăn trên da. Ngoài ra, ô nhiễm không khí còn là nguyên nhân gây khởi phát hoặc làm tăng nặng một số bệnh lý về da như viêm da dị ứng, viêm da cơ địa, mụn trứng cá, mề đay... Không chỉ vậy, ô nhiễm không khí còn làm cho một số bệnh về da kém đáp ứng điều trị, dễ tái phát, kéo dài và khó điều trị hơn.

(Nhóm biên soạn)

b. Trong bối cảnh nguồn nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt vì bị khai thác quá độ như hiện nay thì việc tiết kiệm năng lượng góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, tiết kiệm năng lượng còn giúp giảm bớt chi phí sinh hoạt cho con người. Ngoài ra, khi nhiên liệu hóa thạch được đốt cháy ít hơn thì lượng khí thải CO₂ vào bầu khí quyển của Trái Đất cũng giảm đi, hạn chế sự nóng lên toàn cầu và các hiện tượng biến đổi khí hậu khác. **Chính vì vậy, chúng ta cần đưa ra các giải pháp để khai thác và sử dụng hóa thạch một cách phù hợp nhất.**

Câu 4 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Viết đoạn văn (khoảng sáu đến tám câu) trình bày vai trò của máy vi tính đối với cuộc sống của chúng ta hiện nay. Xác định cấu trúc của đoạn văn đó.

Đoạn văn tham khảo

Máy tính có rất nhiều lợi ích khác nhau và có rất nhiều công dụng giúp học sinh thông minh hơn, học giỏi hơn và sau đây tôi xin nêu một số lợi ích của máy tính. Máy tính có thể thực hiện các tác vụ thông thường với tốc độ nhanh hơn con người. Họ có thể thực hiện các phép tính phức tạp trong vài giây. Ví dụ, giáo viên có thể sử

dụng máy tính để nhanh chóng lập danh sách điểm của học sinh thay vì lập bằng tay. Lợi ích "độ chính xác" thứ hai khi một việc gì đó được thực hiện thủ công luôn có khả năng xảy ra lỗi do con người. Máy tính có thể được sử dụng để thực hiện công việc theo cách đảm bảo độ chính xác khi dữ liệu đầu vào là chính xác. Tự động hóa: Có thể ra lệnh cho máy tính tự động thực hiện các tác vụ phức tạp.

→ Đoạn văn diễn dịch

TIẾT...: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: NHỮNG ĐIỀU BÍ ẨN TRONG TẬP TÍNH DI CƯ CỦA CÁC LOÀI CHIM

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- ❖ Xác định và nêu được trật tự trình bày thông tin trong văn bản
- ❖ Chỉ ra và phân tích các thông tin cơ bản và ý nghĩa của chúng
- ❖ Làm rõ vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

b. Nội dung: Câu hỏi gợi mở

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Em có từng tò mò về giống loài và cách sống của những chú chim hay không? Em hãy thử hình dung cuộc sống của những chú chim đó.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu	I. Tìm hiểu chung - Văn bản trên thuộc thể loại: văn bản

<p><i>hỏi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Văn bản Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim thuộc thể loại nào?</i> + <i>Xác định mục đích viết của văn bản trên.</i> + <i>Xác định cấu trúc của văn bản trên.</i> - <i>GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</i> - HS lắng nghe. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích của văn bản là để người đọc cập nhật thông tin về việc di cư của các loài chim theo mùa. - Cấu trúc: 2 phần. + Phần 1: Từ đầu đến “phong phú hơn”: Giải thích vì sao chim có tập tính di cư. + Phần 2: Còn lại: Lí giải việc chim di cư theo đội hình.
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a.Mục tiêu:

- ❖ Xác định và nêu được trật tự trình bày thông tin trong văn bản
- ❖ Chỉ ra và phân tích các thông tin cơ bản và ý nghĩa của chúng
- ❖ Làm rõ vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản

- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến *văn bản*
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1: HOẠT ĐỘNG “KHẼN TRẢI BÀN”</u></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Thời gian và chiều chim di cư?</i> + <i>Ban đầu người ta cho rằng chim di cư là để làm gì?</i> + <i>Vậy chim di cư vì lí do gì?</i> + <i>Chim di cư bay theo đội hình nào? Nguyên nhân nào khiến những loài chim bay theo đội hình ấy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi - HS trình bày sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến 	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Giải thích vì sao chim có tập tính di cư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chim di cư vào mùa đông mỗi năm, theo chiều bắc nam giữa nơi sinh sản và nơi trú đông cách xa hàng ngàn hoặc thậm chí hàng chục ngàn ki-lô-mét. - Ban đầu, mọi người nghĩ rằng chim di cư là để tránh cái lạnh của mùa đông. - Lí do di cư của loài chim là vì tình trạng thiếu lương thực xảy ra ở một số khu vực trong thời tiết lạnh, buộc chúng phải rời khỏi nhà, di chuyển đến những khu vực có nhiệt độ cao và lượng thức ăn phong phú hơn. <p>2. Lí giải việc chim di cư theo đội hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chim di cư bay theo đội hình chữ V. - Nguyên nhân: + <i>Đội hình chữ V được xem là đội hình tối ưu về mặt khí động lực học, con chim bay ở đầu mũi tên hay hình chữ V thường là chim đầu đàn và</i>

thức → Ghi lên bảng

khỏe hơn hẳn những con phía sau.

+ Khi bay theo đội hình chữ V, các chú chim thường tận dụng luồng không khí di qua cánh: luồng khí hướng lên từ phía dưới lên mép sau của đôi cánh giữ cho chúng ở trên không trung mà không phải quạt cánh vất vả.

+ Khi bay, con chim đầu đàn vỗ cánh làm cho không khí hai bên cánh chuyển động, luồng khí này truyền ra sau. Những con phía sau sẽ nhận luồng khí có lợi từ con đầu đàn và giảm thiểu luồng khí hướng xuống bất lợi nhằm hạn chế việc hao tổn sức lực trong thời gian dài.

+ Ngoài ra việc bay hình chữ V còn giúp đàn chim giữ liên lạc tốt hơn vì những con chim bay sau sẽ dễ dàng nhìn thấy con chim phía trước => không bị lạc đàn khi chim đầu đàn ra tín hiệu dừng nghỉ hoặc đổi hướng bay.

III. Tổng kết

1. Nội dung

- Giải thích lí do loài chim có tập tính di cư và trả lời câu hỏi tại sao loài chim khi di cư lại bay theo đội hình.

2. Nghệ thuật

- Sử dụng ngôn ngữ phi vật thể giúp cho văn bản trở nên sinh động, dễ

	hiểu. - Sử dụng cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu đối tượng.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản **Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim**

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ trả lời câu hỏi 4 – trang 46 - sgk

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Câu 4 (trang 46 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định cách trình bày thông tin của đoạn trích: “Hàng năm cứ vào mùa đông, nhiều loài chim lại kéo nhau bay về phương nam để tránh rét và tìm kiếm thêm thức ăn... mỗi chiếc bay sau có thể tiết kiệm tới đa 18% lượng nhiên liệu”. Dựa vào đâu em có thể xác định như vậy?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản vẽ sơ đồ hệ thống các thông tin cơ bản trong văn bản trên

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để thực hiện vẽ sơ đồ

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vẽ sơ đồ hệ thống các thông tin cơ bản trong văn bản trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Thực hiện vẽ trên giấy A4

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao

	mức độ biết và nhận diện		Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TIẾT ...: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập \.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một hiện tượng tự nhiên em đã được chứng kiến hoặc có ấn tượng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn

a. Mục tiêu: Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản: viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS theo dõi sách giáo khoa trang 46 và đặt câu hỏi:</p> <p>+ <i>Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên là gì?</i></p> <p>+ <i>Theo em khi viết một văn bản thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên chúng ta cần lưu ý gì?</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 – 4 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ.</p>	<p>1. Khái niệm:</p> <p>Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết để cung cấp thông tin cho người đọc về nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.</p> <p>2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:</p> <p>- Giới thiệu khái quát hiện tượng tự nhiên cần giải thích.</p> <p>- Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.</p> <p>- Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự thời gian, mức độ quan trọng của đối tượng, mối quan hệ nhân quả hoặc so sánh, đối chiếu.</p> <p>- Có thể dùng thông tin chi tiết, đề mục và các dấu hiệu hình thức (in đậm, in nghiêng, số thứ tự...) để làm nổi bật thông tin quan trọng.</p> <p>- Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh...) để minh họa và làm nổi bật thông tin quan trọng.</p> <p>- Trình bày mạch lạc, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.</p> <p>- Cấu trúc thường gồm ba phần:</p> <p>+ Phần mở đầu: Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên muốn giải thích.</p> <p>+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên.</p> <p>+ Phần kết thúc: có thể trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự</p>

	nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích.
--	---

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Hiểu được các viết bài văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: HS nắm được quy trình viết

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào? (Theo Nhật thực và nguyệt thực khác nhau như thế nào?) - GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi: <p><i>Câu 1: Xác định bố cục của bài viết và nội dung chính của từng phần.</i></p> <p><i>Câu 2: Các đề mục có mối quan hệ như thế nào với nhan đề? Nhận xét về hình thức trình bày nhan đề, các đề mục và tác dụng của chúng.</i></p> <p><i>Câu 3: Tác giả in đậm những từ ngữ nào? Mục đích in đậm là gì?</i></p> <p><i>Câu 4: Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin như thế nào trong bài viết trên? Dựa vào đâu em có thể xác định được như vậy? Hiệu quả của cách trình bày đó là gì?</i></p> <p><i>Câu 5: Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của bài viết.</i></p> <p><i>Câu 6: Bài viết đã sử dụng loại</i></p>	<p>2. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản</p> <p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục 3 phần: + Phần mở đầu: Giới thiệu chung về hiện tượng tự nhiên muốn giải quyết. + Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên. + Phần kết bài: Tóm tắt nội dung đã giải thích. <p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đề mục có mối liên hệ bổ sung chặt chẽ với nhan đề. - Hình thức trình bày nhan đề và các đề mục: rõ ràng, dễ hiểu. <p>= > Tác dụng: giúp giải thích và diễn giải nội dung nhan đề muốn nhắc đến.</p> <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả in đậm những từ ngữ: “nhật thực”, “nguyệt thực”. <p>= > Mục đích: nhấn mạnh và làm nổi bật nội dung văn bản muốn đề cập.</p>

phương tiện phi ngôn ngữ nào? Chỉ ra hiệu quả và cách thức trình bày của loại phương tiện ấy trong văn bản.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

***Nhiệm vụ 2**

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi
- Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Câu 4:

- Tác giả chủ yếu chọn cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh, đối chiếu.

Dựa vào các từ ngữ: “Tuy nhiên”, “sự khác nhau”.

= > Cách trình bày nhằm giúp cho người đọc, người nghe hiểu rõ và xác định chính xác đối tượng cần tìm hiểu, tránh sai lệch hiểu nhầm thông tin.

Câu 5:

- Từ ngữ được sử dụng trong bài viết thuộc các từ ngữ chuyên ngành môn thiên văn học, dễ nghe, dễ hiểu và gần gũi với đời sống thường ngày.

Câu 6:

Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng: Hình ảnh

= > Giúp cho người đọc dễ hình dung và phân biệt được hai hiện tượng nguyệt thực và nhật thực được nhắc đến trong bài.

3. Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Đọc kĩ đề bài và xác định vấn đề, kiểu bài, độ dài của bài viết.
- Xác định mục đích viết, người đọc và mong đợi của họ về bài viết.
- Chọn nội dung trình bày và cách viết phù hợp.
- Tìm đọc tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn giải thích trên Internet, tạp chí... hoặc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu.
- Tìm hiểu yêu cầu của các cuộc thi,

<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>các tờ báo, trang web mà bài viết cần đáp ứng.</p> <p>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc kĩ tư liệu về hiện tượng tự nhiên mà em sẽ giải thích, đánh dấu những thông tin quan trọng... - Ghi chép thông tin về hiện tượng tự nhiên trong quá trình đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Tên hiện tượng + Thông tin về hiện tượng + Kết quả của hiện tượng - Dựa trên bố cục của bài thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và phiếu ghi chép, lập sơ đồ dàn ý cho bài viết. <ul style="list-style-type: none"> + Phần mở đầu: Nêu tên hiện tượng tự nhiên <p>Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần nội dung: Giải thích nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của hiện tượng tự nhiên. + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích. <p>Bước 3: Viết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết chú ý: <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo cấu trúc ba phần của bài viết + Đặt nhan đề giới thiệu tên của hiện tượng tự nhiên thu hút sự chú ý của người đọc. + Tóm tắt thông tin quan trọng của từng đoạn/ phần bằng hệ thống các đề mục.
--	---

	<p>+ Có thể đặt một số câu hỏi ở phần mở đầu và trả lời cho những câu hỏi đó ở các phần tiếp theo của bài viết tạo sự mạch lạc thu hút người đọc.</p> <p>+ Kết hợp các cách trình bày thông tin khác nhau: in đậm/ in nghiêng/ gạch chân... để làm nổi bật thông tin quan trọng.</p> <p>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm</p> <p>- Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:</p> <p>(Phụ lục)</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học về kỹ năng viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

b. Nội dung: HS thực hành viết bài

c. Sản phẩm học tập: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết bài

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 HS lên kiểm phiếu để nêu bài thơ được bình chọn là bài thơ hay nhất của lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
- + Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên
- + Soạn bài *tiếp theo*

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Phần mở đầu	Nêu tên của hiện tượng tự nhiên		
	Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên		
Phần nội dung	Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên		
	Trình bày trình tự diễn ra của hiện tượng tự nhiên		
Phần kết thúc	Trình bày sự việc cuối/ kết quả của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung đã giải thích		
Hình thức	Có nhan đề và các đề mục, các đề mục nêu được thông tin chính của phần/ đoạn bài viết		
	Sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ các thông tin quan trọng		
	Kết hợp các cách trình bày thông tin		
	Dùng động từ miêu tả hoạt động/trạng thái và một số từ ngữ chuyên ngành		
	Đặt tên cho các phương tiện trực quan và		

	trích dẫn nguồn (nếu có)		
	Diễn đạt mạch lạc, không mắc mỗi chính tả, dùng từ, viết câu		

TIẾT ...: NÓI VÀ NGHE. NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG CHÍNH TRONG THẢO LUẬN NHÓM, TRÌNH BÀY LẠI NỘI DUNG ĐÓ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS tóm tắt được nội dung chính trong thảo luận nhóm
- HS trình bày được nội dung trong cuộc thảo luận.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV sử dụng kĩ thuật KWL để khơi gợi hiểu biết nền của HS về ý nghĩa, các trường hợp sử dụng và cách thức thực hiện kĩ năng có liên quan đến việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

- GV:

+ *Hãy nêu những hiểu biết của em liên quan đến việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày. Việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày có ý nghĩa như thế nào? Hãy nêu các trường hợp sử dụng và cách thức thực hiện kĩ năng liên quan đến việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày.*

+ *Em muốn tìm hiểu thêm điều gì liên quan đến chủ đề này?*

- GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS ghi những hiểu biết sẵn có về chủ đề vào cột K, ghi những điều muốn tìm hiểu thêm vào cột W

K	W	L

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu hiểu biết về việc tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi nghe

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe. - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày. - HS thực hiện nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - Các nhóm luyện nói <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. 	<p>Bước 1: Chuẩn bị nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu kĩ về đề tài thảo luận, trao đổi của nhóm. - Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài này - Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép. <p>Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung lắng nghe nội dung trao đổi giữa các thành viên trong nhóm - Tránh ngắt lời người nói - Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của người nói. - Quan sát nét mặt, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói để hiểu quan điểm của họ về vấn đề đang trao đổi. - Ghi ngắn gọn những vấn đề có nhiều ý kiến trao đổi, những vấn đề nhóm đã hoặc chưa thống nhất bằng từ khóa, cụm từ, kí hiệu... - Ghi tóm tắt ý kiến/ quan điểm cá nhân, những vấn đề cần trao đổi thêm với nhóm. <p>Bước 3: Trình bày lại những nội</p>

	<p>dung chính đã trao đổi, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định lại với các thành viên trong nhóm về nội dung đã tóm tắt, ghi chép và điều chỉnh. - Xác định rõ mục đích, người nghe, không gian và thời gian trình bày lại nội dung của cuộc trao đổi, thảo luận. - Đọc lại, sắp xếp các nội dung đã ghi chép theo một trình tự hợp lý để thuận tiện cho việc trình bày và phản ánh chính xác, đầy đủ nội dung cốt lõi, mối tương quan giữa các ý kiến của cuộc trao đổi, thảo luận.
--	--

Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó

a. Mục tiêu: Xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu</p>	<p>II. Các tiêu chí đánh giá một bài tóm tắt ý chính do người khác trình bày</p> <p>Xem ở bảng kiểm</p>

<p>chỉ đánh giá kĩ năng nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá một bài tóm tắt ý chính cho người khác trình bày.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí.</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hoàn thành bài nói và nghe

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS điền thông tin trả lời cho những thắc mắc của mình trong phiếu học tập đã được phát lúc đầu giờ vào cột L. GV hướng dẫn HS: *Các em hãy điền thông tin trả lời cho những thắc mắc đầu giờ của mình vào cột L phiếu học tập đã được phát. Ngoài việc bổ sung câu trả lời, các em có thể ghi thêm những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, chúng ta có thể đánh dấu tích vào những ý tưởng trả lời cho câu hỏi ở cột W, với các ý tưởng các em thích, có thể đánh dấu sao.*

K	W	L

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó điền thông tin vào cột L.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:
+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

K	W	L

- Bảng kiểm kỹ nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị trước khi	Tìm hiểu thông tin về đề tài trao	

nghe	đổi, thảo luận của nhóm		
	Liệt kê những gì em đã biết và muốn biết thêm về đề tài		
	Chuẩn bị giấy bút để ghi chép		
Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính	Không ngắt lời người nói		
	Quan sát nét mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người nói		
	Tóm tắt nội dung trao đổi bằng các từ khóa, cụm từ, kí hiệu, sơ đồ,...		
	Ghi lại ý kiến/ quan điểm cá nhân về những vấn đề được trao đổi		
	Ghi lại câu hỏi về những vấn đề em chưa hiểu rõ		
	Đọc lại phần ghi chép tóm tắt và chỉnh sửa bài viết		
Trình bày lại nội dung trao đổi, thảo luận	Làm rõ (những) vấn đề nhóm đã trao đổi(những) vấn đề được nhiều người quan tâm; kết quả trao đổi, thảo luận; (những) băn khoăn của nhóm cần được tiếp tục xem xét, tìm hiểu, suy nghĩ.		
	Trình bày lại nội dung trao đổi, thảo luận		
	Diễn đạt rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu. Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi.		

TIẾT ...: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Kiến thức về cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

- Kiến thức về cấu trúc đoạn văn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung **Bài 2: Những bí ẩn của thế giới tự nhiên**

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi: *Sau khi học xong chủ đề 2, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá
- GV dẫn vào bài Ôn tập

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

a. Mục tiêu: Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong **bài 2**

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm Hoàn thành các câu hỏi ôn tập - HS nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày; Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slide hoặc sapo)</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV): - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm),</p>	<p>Câu 1 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Trình bày đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.</p> <p>Trả lời: Đặc điểm của văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên: - Viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên. - Có cấu trúc thường gồm 3 phần: + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên. + Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng. + Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt nội dung giải thích. - Các từ ngữ sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.</p> <p>Câu 2 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Tóm tắt hai văn bản Bạn đã</p>

biết gì về sóng thần? và Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng? theo các nội dung sau: mục đích viết, nội dung chính, cấu trúc, cách trình bày thông tin, nhan đề và đề mục, thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết, phương tiện phi ngôn ngữ.

Trả lời:

- Bạn đã biết gì về sóng thần?

+ Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sóng thần.

+ Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sóng thần.

+ Cấu trúc: 3 phần

Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra hiện tượng sóng thần.

Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sóng thần.

Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng sóng thần.

+ Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

+ Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

- Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng?

+ Mục đích viết: Để người đọc cập nhật thông tin cơ bản về sao băng và mưa sao băng.

+ Nội dung chính: Giải thích và trình bày cơ chế, nguyên nhân dẫn đến sao băng và mưa sao băng.

+ Cấu trúc: 3 phần

Mở bài: giới thiệu khái quát và quá trình xảy ra sao băng và hiện tượng mưa sao băng.

Nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng sao băng và mưa sao băng.

Kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng mưa sao băng.

+ Cách trình bày thông tin theo cấu trúc: so sánh, đối chiếu.

+ Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

Câu 3 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Xác định cấu trúc và câu chủ đề (nếu có) của đoạn văn sau:

Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp. Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” nói riêng, đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời

nay.

(Theo Hoàng Tiến Lựu, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)

Trả lời:

- Câu chủ đề: Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất

- Cấu trúc: diễn dịch.

Câu 4 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1):Khi viết văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên, cần lưu ý điều gì?

Trả lời:

Khi viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên cần lưu ý:

- Văn bản viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên.

- Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên thường có cấu trúc gồm 3 phần:

+ Phần mở đầu: giới thiệu khái quát hiện tượng và quá trình xảy ra hiện tượng trong thế giới tự nhiên.

+ Phần nội dung: giải thích nguyên nhân và cách thức diễn ra hiện tượng.

+ Phần kết thúc: trình bày sự việc cuối của hiện tượng tự nhiên hoặc tóm tắt

nội dung giải thích.

- Các từ ngữ được sử dụng trong văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên phải thuộc một chuyên ngành khoa học cụ thể (địa lí, sinh học...) động từ miêu tả hoạt động hoặc trạng thái, từ ngữ miêu tả trình tự.

Câu 5 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Chia sẻ những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả.

Trả lời:

Những kinh nghiệm em đã thu nhận được về cách nắm bắt nội dung chính khi thảo luận nhóm và trình bày lại những nội dung ấy một cách hiệu quả là:

- Đưa ra ý kiến cá nhân.
- Tiếp thu, lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm.
- Tham khảo sách báo và những tài liệu có liên quan đến nội dung trình bày.
- Trình bày tự tin
- ...

Câu 6 (trang 54 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1): Từ những điều đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: Sự

	<p>kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ gì?</p> <p>Trả lời:</p> <p>Sự kì bí của thế giới tự nhiên gợi cho em những suy nghĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là nơi chứa đựng nhiều bí mật thú vị, bất ngờ của thế giới tự nhiên. - Chúng ta cần phải đầu tư phát triển ngành khoa học thiên văn để tìm hiểu và phát hiện những điều mới mẻ và đẹp đẽ hơn của thế giới tự nhiên. - ...
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về *Bài 2: Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* đã học.

b. Nội dung: GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

c. Sản phẩm học tập: Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 2* và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *Bài 2*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở *Bài 2*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung *Bài 2: Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*

+ Soạn bài 3: Sự sống thiêng liêng (Văn bản nghị luận)